QUỐC HỘI **------** Luật số: 57/2024/QH15	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** **----------** *Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2024*

LUẬT

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU LUẬT QUY HOẠCH, LUẬT ĐẦU TƯ, LUẬT ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC, CÔNG TƯ VÀ LUẬT ĐẤU THẦU

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 15/2023/QH15, Luật số 16/2023/QH15, Luật số 28/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 35/2024/QH15, Luật số 38/2024/QH15 và Luật số 43/2024/QH15; Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 72/2020/QH14, Luật số 03/2022/QH15, Luật số 05/2022/QH15, Luật số 08/2022/QH15, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 20/2023/QH15, Luật số 26/2023/QH15, Luật số 27/2023/QH15, Luật số 28/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 33/2024/QH15 và Luật số 43/2024/QH15; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2022/QH15, Luật số 28/2023/QH15, Luật số 35/2024/QH15; Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch

1. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 6 như sau

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"1. Quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia phải phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia.

Trường hợp quy hoạch không gian biển quốc gia và quy hoạch sử dụng đất quốc gia có mâu thuẫn với nhau thì phải điều chỉnh và thực hiện theo quy hoạch tổng thể quốc gia.";

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

"4. Quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành phải phù hợp với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh có liên quan theo quy định của Chính phủ.".

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau

"**Điều 9. Chi phí cho hoạt động quy hoạch**

1. Chi phí lập, công bố, điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh sử dụng nguồn vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công và nguồn

vốn hợp pháp khác; đối với quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Chi phí lập, thẩm định, điều chỉnh nhiệm vụ lập quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh; thẩm định, thẩm định điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh; điều chỉnh theo trình tự, thủ tục rút gọn quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh; đánh giá quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh sử dụng nguồn chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

3. Chi phí lập, thẩm định, công bố, đánh giá, điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành sử dụng nguồn chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và nguồn vốn hợp pháp khác.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.".

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 15 như sau

"2. Thẩm quyền tổ chức thẩm định, phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh nhiệm vụ lập quy hoạch được quy định như sau:

a) Chính phủ tổ chức thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch, phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch, phê duyệt điều chỉnh nhiệm vụ lập quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia;

b) Thủ tướng Chính phủ tổ chức thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng; phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch, phê duyệt điều chỉnh nhiệm vụ lập quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh;

c) Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh.".

4. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 16 như sau

a) Sửa đổi, bổ sung các điểm b, c và d khoản 1 như sau:

"b) Cơ quan lập quy hoạch lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch; chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan nghiên cứu, phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện, nguồn lực, bối cảnh phát triển, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đề xuất các quan điểm, mục tiêu, nội dung quy hoạch; gửi các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan;

c) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan tham gia ý kiến, đề xuất các nội dung quy hoạch thuộc phạm vi quản lý, gửi cơ quan lập quy hoạch;

d) Cơ quan lập quy hoạch chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan xem xét, xử lý các vấn đề liên ngành, liên vùng, liên tỉnh nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và hiệu quả của quy hoạch;";

b) Sửa đổi, bổ sung các điểm b, c và d khoản 3 như sau:

"b) Cơ quan lập quy hoạch lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch; chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan nghiên cứu, phân tích, đánh giá, dự

báo về các yếu tố, điều kiện, nguồn lực, bối cảnh phát triển, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội của vùng, đề xuất các quan điểm, mục tiêu, nội dung quy hoạch; gửi các Bộ, cơ quan ngang Bộ liên quan và địa phương trong vùng;

c) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ liên quan và địa phương trong vùng tham gia ý kiến, đề xuất các nội dung quy hoạch thuộc phạm vi quản lý, gửi cơ quan lập quy hoạch;

d) Cơ quan lập quy hoạch chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan xem xét, xử lý các vấn đề liên vùng, liên tỉnh nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và hiệu quả của quy hoạch;";

c) Bổ sung khoản 5 vào sau khoản 4 như sau:

"5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.".

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 20 như sau

"2. Quy hoạch cao hơn (nếu có).".

6. Sửa đổi, bổ sung điểm n khoản 2 Điều 22 như sau

"n) Danh mục dự kiến các dự án quan trọng quốc gia;".

7. Sửa đổi, bổ sung điểm i khoản 2 Điều 23 như sau

"i) Danh mục dự kiến các dự án quan trọng quốc gia.".

8. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 25 như sau

a) Sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 3 như sau:

"g) Danh mục dự kiến các dự án quan trọng quốc gia, dự án ưu tiên của ngành kết cấu hạ tầng quốc gia;";

b) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 5 như sau:

"d) Danh mục dự kiến các dự án quan trọng quốc gia, dự án ưu tiên bảo vệ môi trường;";

c) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu khoản 6 như sau:

"6. Quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:";

d) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 6 như sau:

"d) Danh mục dự kiến các dự án quan trọng quốc gia, dự án ưu tiên bảo tồn đa dạng sinh học;".

9. Sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 2 Điều 26 như sau

"g) Danh mục dự kiến các dự án ưu tiên của vùng;";

10. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 2 Điều 27 như sau

a) Sửa đổi, bổ sung điểm d như sau:

"d) Phương án phát triển hệ thống đô thị và nông thôn; phương án phát triển hệ thống khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu du lịch, khu thể dục thể

thao, khu nghiên cứu, đào tạo; phương án phát triển khu bảo tồn, khu vực cần được bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và đối tượng đã được kiểm kê di tích; phương án phát triển các cụm công nghiệp; phương án phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung; xác định khu quân sự, an ninh; phương án phát triển những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn, những khu vực có vai trò động lực;";

b) Sửa đổi, bổ sung điểm e như sau:

"e) Phương án phát triển mạng lưới cấp điện, bao gồm phương án phát triển điện lực đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn và phương án phát triển nguồn, lưới điện của tỉnh;";

c) Sửa đổi, bổ sung điểm h như sau:

"h) Phương án phát triển công trình thủy lợi, hệ thống cấp nước, thoát nước bao gồm công trình thủy lợi, hệ thống cấp nước, thoát nước đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn và công trình thủy lợi liên huyện, hệ thống cấp nước, thoát nước liên huyện;";

d) Sửa đổi, bổ sung điểm o như sau:

"o) Danh mục dự kiến các dự án ưu tiên của tỉnh;".

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 34 như sau

"2. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh.".

12. Sửa đổi, bổ sung Điều 45 như sau

"**Điều 45. Kế hoạch thực hiện quy hoạch**

1. Kế hoạch thực hiện quy hoạch được ban hành sau khi quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt.

Thẩm quyền ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch được quy định tại Điều 55 và Điều 56 của Luật này. Cơ quan có thẩm quyền ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch có thẩm quyền ban hành điều chỉnh kế hoạch thực hiện quy hoạch.

2. Kế hoạch thực hiện quy hoạch phải tuân thủ văn bản quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch và bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Dự án đầu tư công;

b) Dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công;

c) Xác định các nguồn lực và việc sử dụng nguồn lực để thực hiện quy hoạch.

3. Chính phủ quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục ban hành, điều chỉnh kế hoạch thực hiện quy hoạch.".

13. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 47 như sau

"4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, bố trí nguồn lực để thực hiện quy hoạch tỉnh.".

14. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 49 như sau

"1. Quy hoạch được đánh giá thực hiện theo định kỳ 05 năm hoặc đột xuất theo tiêu chí đánh giá do Chính phủ quy định.".

15. Sửa đổi, bổ sung Điều 51 như sau

"**Điều 51. Nguyên tắc điều chỉnh quy hoạch**

1. Quy hoạch được điều chỉnh theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 54 của Luật này khi có một trong các căn cứ được quy định tại Điều 53 của Luật này.

2. Cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch, trừ trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 6 Điều 54a của Luật này.

3. Cơ quan có thẩm quyền tổ chức lập quy hoạch chịu trách nhiệm tổ chức lập điều chỉnh quy hoạch.

4. Việc điều chỉnh quy hoạch không làm thay đổi mục tiêu của quy hoạch, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 53 của Luật này.".

16. Bổ sung Điều 54a vào sau Điều 54 trong Mục 3 Chương IV như sau

"**Điều 54a. Điều chỉnh quy hoạch theo trình tự, thủ tục rút gọn**

1. Việc điều chỉnh quy hoạch theo trình tự, thủ tục rút gọn không làm thay đổi quan điểm và mục tiêu của quy hoạch; bảo đảm tính liên kết, đồng bộ, kế thừa, ổn định giữa các quy hoạch.

2. Quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh được điều chỉnh theo trình tự, thủ tục rút gọn khi có một trong các căn cứ sau đây:

a) Việc thực hiện nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc Chính phủ về bảo đảm quốc phòng, an ninh, sắp xếp đơn vị hành chính, dự án quan trọng quốc gia làm thay đổi một hoặc một số nội dung quy hoạch;

b) Quy hoạch có mâu thuẫn với quy hoạch cao hơn;

c) Quy hoạch có mâu thuẫn với quy hoạch cùng cấp;

d) Việc thực hiện dự án khẩn cấp, nhiệm vụ cấp bách làm thay đổi một hoặc một số nội dung quy hoạch theo quy định của Chính phủ.

3. Khi có một trong các căn cứ quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều này thì Chính phủ xem xét, chấp thuận chủ trương điều chỉnh quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia.

4. Khi có một trong các căn cứ quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều này thì Thủ tướng Chính phủ xem xét, chấp thuận chủ trương điều chỉnh quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh.

5. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch hoặc cơ quan lập quy hoạch xây dựng hồ sơ điều chỉnh quy hoạch, gửi xin ý kiến của các cơ quan có liên quan; tiếp thu, giải trình và hoàn thiện

hồ sơ điều chỉnh quy hoạch, trình cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch.

6. Thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch được quy định như sau:

a) Quốc hội quyết định điều chỉnh quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia;

b) Bộ trưởng được giao tổ chức lập quy hoạch ngành quốc gia, lập quy hoạch vùng phê duyệt điều chỉnh quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng và báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tỉnh và báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện.

7. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều này; quy định hồ sơ điều chỉnh quy hoạch theo trình tự, thủ tục rút gọn.".

17. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 55 như sau

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Thủ tướng Chính phủ ban hành chính sách, giải pháp và bố trí nguồn lực thực hiện quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng; kế hoạch thực hiện quy hoạch vùng.";

b) Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 3 như sau:

"đ) Ban hành hướng dẫn xác định chi phí cho hoạt động quy hoạch của quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh;";

c) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 như sau:

"a) Ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch ngành quốc gia; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành chính sách, giải pháp và bố trí nguồn lực thực hiện quy hoạch ngành quốc gia; trình Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch ngành quốc gia;".

18. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 56 như sau

"1. Ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh; ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành chính sách, giải pháp và bố trí nguồn lực thực hiện quy hoạch tỉnh;".

19. Sửa đổi, bổ sung một số số thứ tự tại Phụ lục I về Danh mục các quy hoạch ngành quốc gia như sau

a) Sửa đổi, bổ sung số thứ tự 26 như sau:

26.	**Quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và nông thôn**

b) Sửa đổi, bổ sung các số thứ tự 29, 32 và 33 như sau:

29.	**Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản**
32.	Quy hoạch khoáng sản nhóm I
33.	Quy hoạch khoáng sản nhóm II

20. Sửa đổi, bổ sung số thứ tự 11 tại Phụ lục II về Danh mục các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành như sau

11.	**Quy hoạch đô thị và nông thôn**	**Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15**

21. Bãi bỏ khoản 5 Điều 5, điểm đ khoản 1 và điểm đ khoản 3 Điều 16, điểm m khoản 2 Điều 27, Điều 28, khoản 3 Điều 47, Điều 52 và số thứ tự 31 tại Phụ lục I.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư

1. Bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3 Điều 4 như sau

"3a. Trường hợp có quy định khác nhau giữa Điều 36a của Luật Đầu tư và luật khác đã được ban hành trước ngày 15 tháng 01 năm 2025 thì thực hiện theo quy định tại Điều 36a của Luật Đầu tư.".

2. Bổ sung điểm i và điểm k vào sau điểm h khoản 1 Điều 6 như sau

"i) Kinh doanh mua bán bảo vật quốc gia;

k) Kinh doanh xuất khẩu di vật, cổ vật.".

3. Bổ sung Điều 18a vào sau Điều 18 như sau

"**Điều 18a. Quỹ Hỗ trợ đầu tư**

1. Chính phủ thành lập Quỹ Hỗ trợ đầu tư từ nguồn thu thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu và nguồn hợp pháp khác để ổn định môi trường đầu tư, khuyến khích, thu hút nhà đầu tư chiến lược, tập đoàn đa quốc gia và hỗ trợ doanh nghiệp trong nước đối với một số lĩnh vực cần khuyến khích đầu tư.

2. Chính phủ quy định chi tiết mô hình hoạt động, địa vị pháp lý, nguồn ngân sách cấp hằng năm và bổ sung cho Quỹ, hình thức hỗ trợ, cơ chế bồi hoàn hỗ trợ và các chính sách đặc thù khác của Quỹ, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến trước khi ban hành.".

4. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điểm của khoản 1 Điều 31 như sau

a) Sửa đổi, bổ sung điểm d như sau:

"d) Dự án đầu tư xây dựng mới: bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên thuộc cảng biển đặc biệt, cảng biển loại I;";

b) Sửa đổi, bổ sung điểm g1 như sau:

"g1) Dự án đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật về di sản văn hóa không phân biệt quy mô diện tích đất, dân số thuộc phạm vi khu vực bảo vệ I của di tích được cấp có thẩm quyền công nhận là di tích quốc gia đặc biệt thuộc Danh mục di sản thế giới.";

c) Bãi bỏ điểm h.

5. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 1 Điều 32 như sau

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b1 như sau:

"b1) Dự án đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật về di sản văn hóa không phân biệt quy mô diện tích đất, dân số thuộc phạm vi khu vực bảo vệ I và II của di tích được cấp có thẩm quyền công nhận là di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt, trừ khu vực bảo vệ I của di tích quốc gia đặc biệt thuộc Danh mục di sản thế giới; dự án đầu tư không phân biệt quy mô diện tích đất, dân số thuộc khu vực hạn chế phát triển hoặc nội đô lịch sử (được xác định trong quy hoạch đô thị) của đô thị loại đặc biệt;";

b) Bổ sung điểm đ và điểm e vào sau điểm d như sau:

"đ) Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất;

e) Dự án đầu tư xây dựng mới: bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư dưới 2.300 tỷ đồng thuộc cảng biển đặc biệt.".

6. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 33 như sau

"a) Đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị và quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt (nếu có) có liên quan;".

7. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 6 Điều 34 như sau

"c) Sự phù hợp của dự án đầu tư với chiến lược, quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị và quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt (nếu có) có liên quan;".

8. Bổ sung Điều 36a vào sau Điều 36 trong Mục 2 Chương IV như sau

"Điều 36a. Thủ tục đầu tư đặc biệt

1. Trừ các dự án đầu tư quy định tại Điều 30 của Luật này, nhà đầu tư được quyền lựa chọn đăng ký đầu tư theo quy định tại Điều này đối với các dự án tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, khu thương mại tự do và khu chức năng trong khu kinh tế trong các lĩnh vực sau đây:

a) Đầu tư xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D); đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp mạch tích hợp bán dẫn, công nghệ thiết kế, chế tạo linh kiện, vi mạch điện tử tích hợp (IC), điện tử linh hoạt (PE), chip, vật liệu bán dẫn;

b) Đầu tư trong lĩnh vực công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển, sản xuất sản phẩm thuộc danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Hồ sơ đăng ký đầu tư gồm tài liệu quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, g và h khoản 1 Điều 33 của Luật này, trong đó văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư bao gồm cam kết đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định của pháp luật về xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng cháy, chữa cháy; đề xuất dự án đầu tư bao gồm nhận dạng, dự báo tác động đến môi trường và biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường thay thế cho đánh giá sơ bộ tác động môi trường.

3. Nội dung đánh giá hồ sơ gồm:

a) Sự phù hợp của dự án với lĩnh vực đầu tư tại khoản 1 Điều này;

b) Sự phù hợp của dự án với quy hoạch có liên quan;

c) Tư cách pháp lý và kinh nghiệm của nhà đầu tư;

d) Nhu cầu sử dụng đất (nếu có);

đ) Tiến độ thực hiện dự án;

e) Nội dung cam kết của nhà đầu tư;

g) Ưu đãi đầu tư và điều kiện hưởng ưu đãi đầu tư (nếu có).

4. Hồ sơ đăng ký được gửi cho Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế đánh giá hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

5. Trường hợp có từ hai nhà đầu tư trở lên đề xuất dự án có đề nghị Nhà nước cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất tại một địa điểm, Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế xem xét, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư nộp hồ sơ hợp lệ đầu tiên và thông báo bằng văn bản cho các nhà đầu tư còn lại. Trường hợp nhà đầu tư nộp hồ sơ đầu tiên bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo nguyên tắc xem xét lần lượt hồ sơ của từng nhà đầu tư tiếp theo. Nhà đầu tư nước ngoài được thành lập tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư trước khi đăng ký đầu tư.

6. Việc điều chỉnh mục tiêu hoạt động của dự án thực hiện theo quy định tương ứng tại khoản 4 Điều này.

7. Dự án đăng ký đầu tư theo quy định của Điều này không phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, thẩm định công nghệ, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, lập quy hoạch chi tiết, cấp Giấy phép xây dựng và các thủ tục để được phê duyệt, chấp thuận, cho phép trong lĩnh vực xây dựng, phòng cháy, chữa cháy.

8. Trước khi khởi công xây dựng, nhà đầu tư gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý trật tự xây dựng tại địa phương và Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế văn bản thông báo khởi công kèm theo các tài liệu sau đây:

a) Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng gồm các nội dung theo quy định của pháp luật về xây dựng do nhà đầu tư tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt;

b) Báo cáo kết quả thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng do tổ chức, cá nhân đủ điều kiện theo quy định của pháp luật thực hiện thẩm tra về an toàn công trình, bảo vệ môi trường, phòng cháy, chữa cháy; sự tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

9. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư là cơ sở cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; thực hiện các thủ tục hành chính; thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá, xử lý vi phạm hành chính và quản lý nhà nước đối với dự án.

10. Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế có trách nhiệm kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện dự án theo quy định của pháp luật; giải quyết theo thẩm quyền hoặc thông báo cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết những vấn đề phát sinh đối với dự án.

11. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành biểu mẫu, hồ sơ thực hiện dự án đầu tư quy định tại Điều này.

12. Chính phủ quy định chi tiết Điều này".

9. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 2 Điều 47 như sau

"đ) Nhà đầu tư không thực hiện đúng nội dung chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và đã bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng tiếp tục vi phạm, trừ trường hợp không thực hiện theo đúng tiến độ tại văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh.".

10. Bổ sung điểm a1 vào sau điểm a khoản 2 Điều 48 như sau

"a1) Sau 24 tháng kể từ thời điểm kết thúc tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động của dự án đầu tư hoặc mục tiêu hoạt động của từng giai đoạn (nếu có) quy định tại văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh mà nhà đầu tư vẫn không hoàn thành mục tiêu hoạt động này và không thuộc trường hợp được điều chỉnh tiến độ theo quy định, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này;".

11. Sửa đổi, bổ sung một số số thứ tự của Phụ lục IV về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện như sau

a) Sửa đổi, bổ sung số thứ tự 50 như sau:

50	**Hoạt động phát điện, truyền tải điện, phân phối điện, bán buôn điện, bán lẻ điện**

b) Sửa đổi, bổ sung các số thứ tự 115, 193, 194, 201 và 202 như sau:

115	**Kinh doanh dịch vụ tư vấn lập quy hoạch đô thị và nông thôn**
193	Kinh doanh dịch vụ giám định di vật, cổ vật
194	Kinh doanh dịch vụ lập quy hoạch, dự án, thiết kế, tổ chức thi công, tư vấn giám sát thi công dự án bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích
201	Kinh doanh di vật, cổ vật, trừ kinh doanh xuất khẩu di vật, cổ vật; kinh doanh dịch vụ bảo quản, phục chế, số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu di vật, cổ vật
202	Nhập khẩu hàng hóa văn hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

c) Bổ sung các số thứ tự 90a, 90b và 90c vào sau số thứ tự 90; các số thứ tự 230, 231 và 232 vào sau số thứ tự 229 như sau:

90a	**Nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập tàu bay không người lái, phương tiện bay khác, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái, phương tiện bay khác**
90b	Kinh doanh tàu bay không người lái, phương tiện bay khác, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái, phương tiện bay khác
90c	Nghiên cứu chế tạo, thử nghiệm, sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay không người lái, phương tiện bay khác, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái, phương tiện bay khác
230	Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu
231	Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu
232	Kinh doanh dịch vụ sàn dữ liệu

d) Bãi bỏ số thứ tự 11.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư

1. Bổ sung điểm e1 vào sau điểm e khoản 16 Điều 3 như sau

"e1) Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (Build - Transfer, sau đây gọi là hợp đồng BT);";

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau

"**Điều 4. Lĩnh vực đầu tư theo phương thức PPP và phân loại dự án PPP**

1. Dự án đầu tư theo phương thức PPP được thực hiện trong các ngành, lĩnh vực đầu tư công nhằm mục đích đầu tư, xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công, trừ dự án thuộc trường hợp sau đây:

a) Dự án thuộc trường hợp độc quyền nhà nước theo quy định của pháp luật;

b) Dự án thuộc ngành, lĩnh vực quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

2. Dự án PPP được phân loại theo thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư bao gồm:

a) Dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội;

b) Dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ;

c) Dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan trung ương, cơ quan khác quy định tại khoản 1 Điều 5 của Luật này;

d) Dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;

đ) Dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

e) Dự án không thuộc trường hợp phải quyết định chủ trương đầu tư, gồm các dự án quy định tại các khoản 2a, 2b và 2c Điều 11 của Luật này.".

3. Sửa đổi, bổ sung điểm b và điểm c khoản 1 Điều 6 như sau

"b) Hội đồng thẩm định liên ngành thực hiện nhiệm vụ thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án PPP do Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư;

c) Trừ trường hợp nhiệm vụ thẩm định được giao cho đơn vị trực thuộc cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này, Hội đồng thẩm định cấp cơ sở thực hiện nhiệm vụ thẩm định các báo cáo sau: báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP do Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư; báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP do Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan trung ương, cơ quan khác, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư; báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP không thuộc trường hợp phải quyết định chủ trương đầu tư quy định tại các khoản 2a, 2b và 2c Điều 11 của Luật này.".

4. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 11 như sau

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu khoản 1 như sau

"1. Trừ trường hợp quy định tại các khoản 2, 2a, 2b và 2c Điều này, quy trình dự án PPP được thực hiện như sau:";

b) Bổ sung các khoản 2a, 2b và 2c vào sau khoản 2 như sau:

"2a. Đối với dự án PPP có tổng mức đầu tư tương đương dự án nhóm B, nhóm C theo quy định của pháp luật về đầu tư công không sử dụng vốn nhà nước quy định tại các điều 70, 71 và 72 của Luật này, quy trình dự án PPP được thực hiện như sau:

a) Lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng đối với dự án PPP thuộc trường hợp lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng;

b) Phê duyệt dự án căn cứ báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, công bố dự án;

c) Lựa chọn nhà đầu tư;

d) Thành lập doanh nghiệp dự án PPP và ký kết hợp đồng dự án PPP;

đ) Triển khai thực hiện hợp đồng dự án PPP.

2b. Đối với dự án PPP áp dụng loại hợp đồng O&M, quy trình dự án PPP được thực hiện như sau:

a) Lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, phê duyệt dự án, công bố dự án;

b) Lựa chọn nhà đầu tư;

c) Thành lập doanh nghiệp dự án PPP và ký kết hợp đồng dự án PPP;

d) Triển khai thực hiện hợp đồng dự án PPP.

2c. Đối với dự án PPP áp dụng loại hợp đồng BT không yêu cầu thanh toán, quy trình dự án PPP được thực hiện như sau:

a) Nhà đầu tư đề xuất dự án, lập báo cáo nghiên cứu khả thi kèm theo dự thảo hợp đồng;

b) Cơ quan có thẩm quyền tổ chức thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, phê duyệt dự án và dự thảo hợp đồng;

c) Thành lập doanh nghiệp dự án PPP trong trường hợp nhà đầu tư đề xuất;

d) Ký kết hợp đồng dự án PPP;

đ) Triển khai thực hiện hợp đồng dự án; tổ chức giám sát quá trình xây dựng, thi công công trình, nghiệm thu công trình hoàn thành theo quy định của pháp luật về xây dựng như quy định đối với dự án đầu tư công.

Dự án quy định tại khoản này không phải lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại Chương III và không phải thực hiện nội dung liên quan đến triển khai thực hiện hợp đồng dự án tại các điều 53, 54, 55, 58, 59, 61, 62, 63, 64, 65 và 66 của Luật này.";

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

"5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.".

5. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 12 như sau

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 như sau

"a) Sử dụng vốn đầu tư công từ 30.000 tỷ đồng trở lên;";

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau

"b) Dự án có tổng mức đầu tư tương đương dự án nhóm A theo quy định của pháp luật về đầu tư công sử dụng vốn đầu tư công từ 10.000 tỷ đồng trở lên do Bộ, cơ quan trung ương quản lý; dự án áp dụng loại hợp đồng BT thanh toán bằng nguồn ngân sách nhà nước thu được sau đấu giá quỹ đất, tài sản công đối với quỹ đất, tài sản công thuộc trung ương quản lý có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 tỷ đồng trở lên;";

c) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 như sau

"d) Dự án phù hợp với quy định của pháp luật về di sản văn hóa không phân biệt quy mô diện tích đất, dân số thuộc phạm vi khu vực bảo vệ I của di tích được cấp có thẩm quyền công nhận là di tích quốc gia đặc biệt thuộc Danh mục di sản thế giới.";

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 và khoản 4; bổ sung khoản 4a vào sau khoản 4 như sau

"3. Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan trung ương, cơ quan khác quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP sau đây:

a) Dự án thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan trung ương, cơ quan khác, trừ dự án quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;

b) Dự án áp dụng loại hợp đồng BT thanh toán bằng nguồn ngân sách nhà nước thu được sau đấu giá quỹ đất, tài sản công đối với quỹ đất, tài sản công có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 tỷ đồng thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan trung ương, cơ quan khác.

4. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP sau đây:

a) Dự án thuộc phạm vi quản lý của địa phương có tổng mức đầu tư tương đương dự án nhóm A theo quy định của pháp luật về đầu tư công, trừ dự án quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;

b) Dự án quy định tại khoản 3 Điều 5 của Luật này được Thủ tướng Chính phủ giao địa phương đó làm cơ quan có thẩm quyền có tổng mức đầu tư tương đương dự án nhóm A theo quy định của pháp luật về đầu tư công, trừ dự án quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4a. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP sau đây:

a) Dự án thuộc phạm vi quản lý của địa phương, trừ dự án quy định tại các khoản 1, 2 và 4 Điều này;

b) Dự án quy định tại khoản 3 Điều 5 của Luật này được Thủ tướng Chính phủ giao địa phương đó làm cơ quan có thẩm quyền có tổng mức đầu tư tương đương dự án nhóm B, nhóm C theo quy định của pháp luật về đầu tư công;

c) Dự án áp dụng loại hợp đồng BT thanh toán bằng nguồn ngân sách nhà nước thu được sau đấu giá quỹ đất, tài sản công đối với quỹ đất, tài sản công thuộc phạm vi quản lý của địa phương.".

6. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điểm, khoản của Điều 13 như sau

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 như sau

"c) Hội đồng thẩm định nhà nước thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi;";

b) Bổ sung khoản 4a vào sau khoản 4 như sau

"4a. Trình tự quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được quy định như sau:

a) Đơn vị chuẩn bị dự án PPP lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi làm cơ sở trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định;

b) Hội đồng thẩm định cấp cơ sở hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi;

c) Hội đồng thẩm định cấp cơ sở hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định hoàn thành và gửi báo cáo thẩm định đến đơn vị chuẩn bị dự án PPP;

d) Đơn vị chuẩn bị dự án PPP hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định;

đ) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án.";

c) Bãi bỏ điểm d và điểm đ khoản 2, điểm c khoản 3, điểm c khoản 4 Điều này

7. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 14 như sau

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau

"1. Bộ, cơ quan trung ương, cơ quan khác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lựa chọn dự án phù hợp để đầu tư theo phương thức PPP căn cứ các điều kiện sau đây:

a) Sự cần thiết đầu tư;

b) Phù hợp với ngành, lĩnh vực quy định tại khoản 1 Điều 4 của Luật này;

c) Không trùng lặp với dự án đã có quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt dự án;

d) Có lợi thế so với các hình thức đầu tư khác căn cứ các yếu tố so sánh về chi phí chuẩn bị đầu tư; khả năng thu hút nguồn vốn, công nghệ, kỹ năng quản lý từ nhà đầu tư; khả năng thực hiện dự án và nghĩa vụ hợp đồng của cơ quan có thẩm quyền;

đ) Có khả năng bố trí vốn nhà nước trong trường hợp dự án có nhu cầu sử dụng vốn nhà nước hoặc có khả năng bố trí nguồn ngân sách nhà nước, quỹ đất thanh toán trong trường hợp dự án áp dụng loại hợp đồng BT thanh toán bằng quỹ đất, loại hợp đồng BT thanh toán bằng ngân sách nhà nước.";

b) Sửa đổi, bổ sung các điểm d, đ và e khoản 3 như sau

"d) Đánh giá sơ bộ hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án; đánh giá sơ bộ tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường như quy định đối với dự án đầu tư công;

đ) Sơ bộ tổng mức đầu tư; đánh giá sơ bộ phương án tài chính của dự án; dự kiến sử dụng vốn nhà nước trong dự án (nếu có); dự kiến phương thức thanh toán cho nhà đầu tư đối với dự án áp dụng loại hợp đồng BTL, hợp đồng BLT, hợp đồng BT thanh toán bằng ngân sách nhà nước, hợp đồng BT thanh toán bằng quỹ đất, trong đó xác định cụ thể vị trí, diện tích, giá trị dự kiến của quỹ đất dự kiến thanh toán;

e) Dự kiến loại hợp đồng dự án PPP; các hình thức ưu đãi, bảo đảm đầu tư; cơ chế chia sẻ phần giảm doanh thu (nếu có).".

8. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 19 như sau

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau

"1. Đơn vị chuẩn bị dự án PPP lập báo cáo nghiên cứu khả thi theo các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này. Việc lập báo cáo nghiên cứu khả thi có thể được thực hiện trong quá trình thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư nhưng phải bảo đảm việc phê duyệt dự án được thực hiện căn cứ quyết định chủ trương đầu tư.";

b) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu khoản 2 như sau

"2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này, báo cáo nghiên cứu khả thi bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:";

c) Sửa đổi, bổ sung điểm i khoản 2 như sau

"i) Hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án.";

d) Bổ sung các khoản 3, 4, 5 và 6 vào sau khoản 2 như sau

"3. Đối với dự án áp dụng loại hợp đồng O&M, báo cáo nghiên cứu khả thi bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Sự cần thiết thực hiện dự án; lợi thế áp dụng loại hợp đồng O&M so với các hình thức đầu tư khác; tác động của việc thực hiện dự án theo phương thức PPP đối với cộng đồng dân cư trong phạm vi dự án trên cơ sở tiếp thu ý kiến của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh nơi thực hiện dự án, hiệp hội nghề nghiệp liên quan đến lĩnh vực đầu tư;

b) Mục tiêu; địa điểm; đánh giá hiện trạng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng sẵn có và máy móc, thiết bị của công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng;

c) Thuyết minh yêu cầu về phương án tổ chức quản lý, vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng; yêu cầu về chất lượng sản phẩm, dịch vụ công;

d) Thông tin hợp đồng dự án, gồm: thời hạn hợp đồng, phân tích rủi ro và biện pháp quản lý rủi ro của dự án;

đ) Các hình thức ưu đãi, bảo đảm đầu tư;

e) Tổng mức đầu tư; phương án tài chính của dự án; khả năng huy động vốn để thực hiện dự án;

g) Hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án.

4. Đối với dự án áp dụng loại hợp đồng BT không yêu cầu thanh toán, nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi được lập theo quy định của pháp luật về xây dựng và quy định khác của pháp luật có liên quan, bảo đảm dự án đáp ứng các điều kiện lựa chọn dự án PPP quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 14 của Luật này.

5. Đối với dự án PPP thuộc trường hợp chỉ cần lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, nội dung báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng được lập theo quy định của pháp luật về xây dựng và quy định tại các điểm a, e, g, h và i khoản 2 Điều này.

6. Đơn vị chuẩn bị dự án tổ chức đánh giá tác động môi trường đối với dự án thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường hoặc thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Nhà đầu tư trúng thầu, doanh nghiệp dự án PPP không phải thực hiện đánh giá tác động môi trường khi triển khai thực hiện hợp đồng dự án PPP.".

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3; bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 Điều 21 như sau

"2. Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan trung ương, cơ quan khác phê duyệt dự án PPP sau đây:

a) Dự án thuộc phạm vi quản lý quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 12 của Luật này;

b) Dự án áp dụng loại hợp đồng O&M thuộc phạm vi quản lý;

c) Dự án áp dụng loại hợp đồng BT không yêu cầu thanh toán mà nhà đầu tư đề xuất thực hiện tại Bộ, cơ quan trung ương, cơ quan khác.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt dự án PPP sau đây:

a) Dự án thuộc phạm vi quản lý quy định tại các khoản 2, 4 và 4a Điều 12 của Luật này;

b) Dự án áp dụng loại hợp đồng O&M thuộc phạm vi quản lý;

c) Dự án áp dụng loại hợp đồng BT không yêu cầu thanh toán mà nhà đầu tư đề xuất thực hiện tại địa phương.

4. Đối với dự án PPP có tổng mức đầu tư tương đương dự án nhóm B, nhóm C theo quy định của pháp luật về đầu tư công không sử dụng vốn nhà nước quy định tại các điều 70, 71 và 72 của Luật này, Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan trung ương, cơ quan khác, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt dự án căn cứ báo cáo nghiên cứu khả thi được lập, thẩm định theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Luật này.".

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 28 như sau

"2. Căn cứ điều kiện thực hiện cụ thể của từng dự án, cơ quan có thẩm quyền tổ chức thực hiện đồng thời một số nội dung sau đây:

a) Lựa chọn danh sách ngắn trong quá trình lập báo cáo nghiên cứu khả thi căn cứ quyết định chủ trương đầu tư;

b) Tổ chức lập hồ sơ mời thầu trong quá trình chuẩn bị dự án quy định tại Chương II của Luật này nhưng phải bảo đảm việc phê duyệt hồ sơ mời thầu căn cứ quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án.".

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 42 như sau

"3. Việc đánh giá về tài chính - thương mại căn cứ theo phương pháp so sánh, xếp hạng quy định trong hồ sơ mời thầu. Phương pháp so sánh, xếp hạng được xây dựng trên các tiêu chuẩn đánh giá về tài chính - thương mại, bao gồm một, một số hoặc các tiêu chuẩn sau đây:

a) Tiêu chuẩn giá, phí sản phẩm, dịch vụ công;

b) Tiêu chuẩn vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng;

c) Tiêu chuẩn lợi ích xã hội, lợi ích nhà nước;

d) Tiêu chuẩn giá trị thanh toán.".

12. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 45 như sau

a) Sửa đổi đoạn mở đầu khoản 1 như sau

"1. Nhóm hợp đồng dự án áp dụng cơ chế thu phí trực tiếp từ người sử dụng hoặc tổ chức bao tiêu sản phẩm, dịch vụ công hoặc áp dụng hình thức kinh doanh khác theo quy định của pháp luật, bao gồm:";

b) Bổ sung khoản 2a và khoản 2b vào sau khoản 2 như sau

"2a. Hợp đồng BT là hợp đồng được ký kết giữa cơ quan có thẩm quyền và nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án (nếu có) để xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng; sau khi hoàn thành, nhà đầu tư chuyển giao công trình dự án BT cho cơ quan có thẩm quyền.

Hợp đồng BT được thực hiện theo hình thức sau đây:

a) Thanh toán bằng quỹ đất được thu hồi theo quy định của pháp luật về đất đai, quỹ đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước quản lý để thực hiện dự án đối ứng. Việc giao đất, cho thuê đất để thực hiện công trình BT và dự án đối ứng là trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất. Trình tự, thủ tục giao đất, cho thuê đất thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai. Giá đất dự kiến của quỹ đất thanh toán dự án BT được tính căn cứ bảng giá đất tại thời điểm lập dự án, lập hồ sơ mời thầu. Việc thanh toán được thực hiện theo cơ chế bù trừ chênh lệch giữa giá trị công trình BT và giá trị quỹ đất thanh toán;

b) Thanh toán bằng ngân sách nhà nước từ nguồn vốn đầu tư công hoặc từ nguồn ngân sách nhà nước thu được sau đấu giá quỹ đất, tài sản công và được ghi thu, ghi chi ngân sách nhà nước. Giá trị công trình dự án BT gồm tổng mức đầu tư xây dựng công trình được xác định theo quy định của pháp luật về xây dựng và các chi phí khác sau giai đoạn xây dựng, trong đó có lãi vay sau giai đoạn xây dựng, lợi nhuận hợp lý của nhà đầu tư;

c) Không yêu cầu thanh toán.

2b. Chính phủ quy định chi tiết điểm a và điểm b khoản 2a Điều này.".

13. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 Điều 49 như sau

"1. Trừ dự án áp dụng loại hợp đồng BT không yêu cầu thanh toán, hợp đồng dự án PPP được ký kết trên cơ sở quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư, kết quả đàm phán hợp đồng, hồ sơ dự thầu còn hiệu lực, thông tin năng lực của nhà đầu tư đã được cập nhật tại thời điểm ký kết và hồ sơ mời thầu. Trường hợp dự án PPP có tiểu dự án sử dụng vốn đầu tư công và thuộc loại công trình thiết kế ba bước theo quy định của pháp luật về xây dựng, cơ quan có thẩm quyền tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế kỹ thuật và dự toán của tiểu dự án sử dụng vốn đầu tư công trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư, bảo đảm hợp đồng được ký kết trên cơ sở thiết kế kỹ thuật và dự toán đã được phê duyệt.

1a. Hợp đồng dự án áp dụng loại hợp đồng BT không yêu cầu thanh toán được ký kết trên cơ sở quyết định phê duyệt dự án, kết quả đàm phán hợp đồng.".

14. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 52 như sau

a) Bổ sung khoản 2a và khoản 2b vào sau khoản 2 như sau

"2a. Nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP được chi trả chi phí trong trường hợp chấm dứt hợp đồng trước thời hạn sau đây:

a) Trường hợp quy định tại các điểm a, b và đ khoản 2 Điều này và hợp đồng dự án xác định thuộc trách nhiệm chi trả của cơ quan ký kết hợp đồng;

b) Trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều này do lỗi của cơ quan ký kết hợp đồng.

2b. Chi phí bồi thường, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn cho nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP quy định tại khoản 2a Điều này phải được Kiểm toán nhà nước kiểm toán làm cơ sở chi trả cho nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP. Cơ quan ký kết hợp đồng và nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP được thỏa thuận thuê kiểm toán độc lập kiểm toán chi phí này.";

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 và bổ sung khoản 6a vào sau khoản 6 như sau

"6. Trường hợp hợp đồng dự án PPP được chấm dứt trước thời hạn theo quy định tại khoản 2a Điều này, kinh phí mua lại doanh nghiệp dự án PPP hoặc chi phí bồi thường, chấm dứt hợp đồng được bố trí từ vốn nhà nước theo quy định của pháp luật. Trường hợp chấm dứt hợp đồng do lỗi của nhà đầu tư quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều này mà cơ quan ký kết hợp đồng và bên cho vay lựa chọn được nhà đầu tư thay thế thì nhà đầu tư có trách nhiệm chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp cho nhà đầu tư thay thế.

6a. Việc sử dụng vốn đầu tư công để bồi thường, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn được thực hiện như sau:

a) Trường hợp hợp đồng dự án bị chấm dứt trong giai đoạn xây dựng, căn cứ quyết định của cấp có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 2 Điều 89, khoản 2 Điều 93, khoản 3 Điều 94 của Luật này, cơ quan có thẩm quyền lập dự án sử dụng vốn đầu tư công gồm chi phí đầu tư xây dựng phần công trình còn lại và chi phí bồi thường, chấm dứt hợp đồng cho nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư dự án quy định tại điểm này thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

Trường hợp cấp có thẩm quyền quyết định không tiếp tục đầu tư, xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng chưa hoàn thành, cơ quan có thẩm quyền thực hiện trình tự, thủ tục thanh toán cho nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP theo quy định tại điểm b khoản này;

b) Trường hợp hợp đồng dự án bị chấm dứt trong giai đoạn vận hành, kinh doanh, căn cứ quyết định của cấp có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 2 Điều 89, khoản 2 Điều 93, khoản 3 Điều 94 của Luật này, cơ quan có thẩm quyền báo cáo cấp có thẩm quyền bổ sung nguồn vốn vào kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm hoặc bổ sung dự toán vào kế hoạch vốn ngân sách trung ương, địa phương thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về ngân sách nhà nước. Các hoạt động quy định tại điểm này thực hiện theo trình tự, thủ tục tương ứng đối với từng nguồn vốn quy định tại pháp luật về đầu tư công, pháp luật về ngân sách nhà nước.".

15. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 57 như sau

"1. Căn cứ báo cáo nghiên cứu khả thi và quy định của hợp đồng dự án PPP, doanh nghiệp dự án PPP thực hiện một, một số hoặc các nội dung sau đây:

a) Lập thiết kế xây dựng sau thiết kế cơ sở của công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng thuộc dự án PPP theo quy định của pháp luật về xây dựng, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này;

b) Lập thiết kế của hệ thống cơ sở hạ tầng thuộc dự án PPP theo quy định của pháp luật có liên quan đối với dự án không có cấu phần xây dựng, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này;

c) Đối với dự án PPP sử dụng vốn đầu tư công theo cách thức tách thành tiểu dự án, doanh nghiệp dự án PPP lập thiết kế xây dựng sau thiết kế cơ sở của công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng sử dụng vốn của nhà đầu tư; lập thiết kế bản vẽ thi công của công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng thuộc tiểu dự án sử dụng vốn đầu tư công căn cứ thiết kế kỹ thuật đã được phê duyệt;

d) Đối với dự án PPP sử dụng vốn đầu tư công theo cách thức bố trí vào hạng mục cụ thể, ngoài trách nhiệm quy định tại điểm a và điểm b khoản này, doanh nghiệp dự án PPP lập dự toán đối với hạng mục sử dụng vốn đầu tư công, gửi cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng đối với dự án có cấu phần xây dựng hoặc cơ quan chuyên môn theo quy định của pháp luật khác có liên quan đối với dự án không có cấu phần xây dựng để tổ chức thẩm định.".

16. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 69 như sau

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 như sau

"b) Thanh toán cho doanh nghiệp dự án PPP cung cấp sản phẩm, dịch vụ công theo hợp đồng BTL, hợp đồng BLT; thanh toán cho nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP theo hợp đồng BT thanh toán bằng ngân sách nhà nước;";

b) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 như sau

"d) Chi trả phần giảm doanh thu; chi phí bồi thường, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn;";

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 2; bổ sung khoản 2a và khoản 2b vào sau khoản 2 như sau:

"2. Tỷ lệ vốn nhà nước tham gia dự án PPP theo quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều này không quá 50% sơ bộ tổng mức đầu tư, tổng mức đầu tư của dự án, trừ trường hợp quy định tại khoản 2a Điều này.

2a. Tỷ lệ vốn nhà nước tham gia dự án PPP cao hơn mức quy định tại khoản 2 Điều này nhưng không quá 70% sơ bộ tổng mức đầu tư, tổng mức đầu tư của dự án trong trường hợp dự án PPP đáp ứng một, một số hoặc các điều kiện sau đây:

a) Dự án có chi phí quy định tại điểm c khoản 1 Điều này vượt quá 50% sơ bộ tổng mức đầu tư, tổng mức đầu tư;

b) Dự án thực hiện trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và cần sử dụng vốn nhà nước cao hơn mức quy định tại khoản 2 Điều này để bảo đảm tính khả thi về tài chính của dự án;

c) Dự án có yêu cầu tiếp nhận chuyển giao công nghệ cao, công nghệ mới, tiên tiến từ nhà đầu tư tư nhân và cần sử dụng vốn nhà nước cao hơn mức quy định tại khoản 2 Điều này để bảo đảm tính khả thi về tài chính của dự án.

2b. Trường hợp dự án đáp ứng một, một số hoặc các điều kiện quy định tại khoản 2a Điều này, cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư quyết định việc áp dụng tỷ lệ vốn nhà nước tham gia dự án PPP theo quy định như sau:

a) Đối với dự án PPP không phân chia dự án thành phần, tỷ lệ vốn nhà nước được áp dụng không quá 70% sơ bộ tổng mức đầu tư, tổng mức đầu tư của dự án;

b) Đối với dự án PPP gồm các dự án PPP thành phần, tỷ lệ vốn nhà nước không quá 70% sơ bộ tổng mức đầu tư, tổng mức đầu tư của từng dự án thành phần;

c) Đối với dự án được tách thành các dự án thành phần gồm dự án đầu tư công và dự án PPP, tỷ lệ vốn nhà nước không quá 70% sơ bộ tổng mức đầu tư, tổng mức đầu tư của dự án PPP. Trường hợp việc bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư, hỗ trợ xây dựng công trình tạm được tách thành một dự án thành phần độc lập sử dụng vốn đầu tư công, dự án thành phần PPP được áp dụng tỷ lệ vốn nhà nước không quá 70% sơ bộ tổng mức đầu tư, tổng mức đầu tư khi đáp ứng điều kiện quy định tại điểm b, điểm c khoản 2a Điều này.".

17. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 70 như sau

"4. Vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng được bố trí từ nguồn vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công.".

18. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 73 như sau

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau

"1. Chi phí chuẩn bị dự án của cơ quan có thẩm quyền, đơn vị chuẩn bị dự án PPP; chi phí tổ chức thẩm định của Hội đồng thẩm định dự án PPP và đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định dự án PPP; chi phí tổ chức lựa chọn nhà đầu tư, ký kết hợp đồng của cơ quan có thẩm quyền, bên mời thầu được bố trí từ nguồn vốn đầu tư công, chi thường xuyên, nguồn vốn hợp pháp khác và tính vào tổng mức đầu tư của dự án.";

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau

"3. Chi phí triển khai thực hiện dự án sau khi ký kết hợp đồng của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng được bố trí từ nguồn vốn chi thường xuyên của các cơ quan này và nguồn vốn hợp pháp khác.".

19. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 và bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3 Điều 82 như sau

"3. Cơ chế chia sẻ phần giảm doanh thu quy định tại khoản 2 Điều này phải được xác định tại quyết định chủ trương đầu tư. Căn cứ tình hình thực tiễn của ngành, địa phương về điều kiện sẵn có của từng nguồn vốn và mức độ ưu tiên của các nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước trong từng thời kỳ, cơ quan có thẩm quyền của dự án xác định nguồn vốn khả thi để chi trả phần giảm doanh thu, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định tương ứng đối với từng nguồn vốn. Thứ tự ưu tiên các nguồn vốn như sau:

a) Dự phòng ngân sách trung ương và dự phòng ngân sách địa phương hằng năm cho chi đầu tư phát triển. Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt dự án sử dụng nguồn vốn dự phòng ngân sách trung ương và dự phòng ngân sách địa phương hằng năm cho chi đầu tư phát triển thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về ngân sách nhà nước;

b) Nguồn tăng thu và tiết kiệm chi của ngân sách trung ương, nguồn tăng thu và tiết kiệm chi của ngân sách địa phương dành cho chi đầu tư phát triển. Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt dự án sử dụng nguồn tăng thu và tiết kiệm chi quy định tại điểm này thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về ngân sách nhà nước;

c) Dự phòng chung nguồn ngân sách trung ương và dự phòng chung nguồn ngân sách địa phương của kế hoạch đầu tư công trung hạn. Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt dự án sử dụng nguồn dự phòng quy định tại điểm này thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

Chi phí xử lý cơ chế chia sẻ phần giảm doanh thu quy định tại khoản này phải được quy định tại hợp đồng dự án.

3a. Đối với dự án do Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan trung ương, cơ quan khác quyết định chủ trương đầu tư, ưu tiên sử dụng ngân sách trung ương để chi trả phần giảm doanh thu. Đối với dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư, ưu tiên sử dụng ngân sách địa phương để chi trả phần giảm doanh thu. Đối với dự án được thực hiện trên địa bàn 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được Thủ tướng Chính phủ giao làm cơ quan có thẩm quyền thống nhất về trách nhiệm của từng địa phương để chi trả phần giảm doanh thu tại quyết định chủ trương đầu tư của dự án.".

20. Sửa đổi, bổ sung Điều 86 như sau

"**Điều 86. Giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư theo phương thức PPP**

1. Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư theo phương thức PPP tại trung ương thực hiện việc giám sát quy trình thực hiện dự án PPP quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều 4 của Luật này và các dự án khác được Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ giao.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư theo phương thức PPP tại địa phương thực hiện việc giám sát quy trình thực hiện dự án PPP quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 4 của Luật này.".

21. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 91 như sau

"1. Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về cơ chế quản lý tài chính dự án đầu tư theo phương thức PPP, cơ chế thanh toán, quyết toán đối với dự án áp dụng loại hợp đồng BT.".

22. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điểm, khoản của Điều 101 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau

"4. Trừ dự án áp dụng loại hợp đồng BT, hợp đồng dự án PPP được ký kết trước ngày 01 tháng 01 năm 2021 được tiếp tục thực hiện theo quy định của hợp đồng dự án; trường hợp cần sửa đổi, bổ sung nội dung của hợp đồng dự án mà pháp luật tại thời điểm ký kết hợp đồng không có quy định thì các bên được thỏa thuận sửa đổi, bổ sung theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan có hiệu lực tại thời điểm sửa đổi, bổ sung hợp đồng.";

b) Bãi bỏ điểm d khoản 5

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu

1. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 3 như sau

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau

"5. Việc lựa chọn nhà thầu thuộc dự án có sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi nước ngoài theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên (sau đây gọi là điều ước quốc tế), thỏa thuận vay nước ngoài thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế, thỏa thuận vay đó. Trường hợp điều ước quốc tế, thỏa thuận vay nước ngoài không quy định hoặc quy định phải áp dụng pháp luật Việt Nam thì áp dụng quy định của Luật này.

Trước khi ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận vay nước ngoài có quy định về đấu thầu khác hoặc chưa được quy định tại Luật này, cơ quan chủ trì đàm phán báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định việc áp dụng theo quy định của nhà tài trợ hoặc của tổ chức quốc tế mà Nhà nước, Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.";

b) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 7 như sau

"d) Lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để bảo đảm tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên sử dụng nguồn vốn sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; lựa chọn nhà thầu để thực hiện các gói thầu thuộc dự án đầu tư kinh doanh quy định tại khoản 3 Điều 2 của Luật này; lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn phục vụ trực tiếp cho gói thầu mà đơn vị sự nghiệp công lập đã ký hợp đồng;".

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 5 như sau

"a) Đối với nhà thầu, nhà đầu tư trong nước: là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và tổ chức khác đăng ký thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam. Đối với nhà thầu, nhà đầu tư nước ngoài: có đăng ký thành lập, hoạt động theo pháp luật nước ngoài;".

3. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 6 như sau

a) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 như sau

"d) Chủ đầu tư, bên mời thầu, trừ trường hợp nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan quản lý nhà nước có chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với tính chất gói thầu của cơ quan quản lý nhà nước đó và trừ trường hợp quy định tại khoản 4a Điều này.";

b) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 4 như sau

"d) Nhà thầu tham dự thầu với nhà thầu tư vấn cho gói thầu đó không có cổ phần hoặc phần vốn góp của nhau; không cùng có cổ phần hoặc phần vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên, trừ trường hợp quy định tại khoản 4a Điều này.";

c) Bổ sung khoản 4a vào sau khoản 4 như sau

"4a. Công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên trong tập đoàn kinh tế nhà nước, tổng công ty nhà nước được tham dự gói thầu của nhau nếu sản phẩm, dịch vụ thuộc gói thầu đó thuộc ngành, nghề sản xuất, kinh doanh chính của tập đoàn kinh tế nhà nước, tổng công ty nhà nước. Đối với gói thầu hỗn hợp mà tập đoàn kinh tế nhà nước hoặc công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên trong tập đoàn kinh tế nhà nước làm chủ đầu tư, bên mời thầu, nhà thầu tham dự thầu và nhà thầu tư vấn lập, thẩm tra thiết kế kỹ thuật tổng thể, báo cáo nghiên cứu khả thi (trường hợp không lập thiết kế kỹ thuật tổng thể), báo cáo kinh tế kỹ thuật (trường hợp không lập báo cáo nghiên cứu khả thi, không lập thiết kế kỹ thuật tổng thể theo quy định của pháp luật về xây dựng) không được có cổ phần hoặc phần vốn góp của nhau, không cùng có cổ phần hoặc phần vốn góp trên 30% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên.".

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 16 như sau

"9. Tổ chức lựa chọn nhà thầu khi chưa xác định được nguồn vốn theo quy định tại khoản 3 Điều 39, trừ trường hợp đấu thầu trước quy định tại Điều 42 của Luật này.".

5. Bổ sung điểm e vào sau điểm đ khoản 1 Điều 17 như sau

"e) Hủy thầu theo quy định tại khoản 5 Điều 42 của Luật này.".

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 19 như sau

"1. Tổ chuyên gia gồm các cá nhân có năng lực, kinh nghiệm, có trách nhiệm thực hiện một hoặc các công việc: lập hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư kinh doanh; thực hiện các nhiệm vụ khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư. Việc thành lập tổ chuyên gia được thực hiện theo quy định sau:

a) Chủ đầu tư thành lập hoặc giao nhiệm vụ đối với lựa chọn nhà thầu;

b) Bên mời quan tâm, bên mời thầu thành lập hoặc giao nhiệm vụ đối với lựa chọn nhà đầu tư;

c) Đơn vị tư vấn thành lập đối với trường hợp thuê tư vấn để lập hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư kinh doanh.".

7. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 23 như sau

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 như sau

"c) Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, phi tư vấn, thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế, linh kiện, phụ kiện, phương tiện, xây lắp, thuốc bảo vệ thực vật, hạt giống cây trồng, hóa chất sát trùng, vật tư cần triển khai ngay để phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh; gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, phi tư vấn, hàng hóa, xây lắp nhằm duy trì hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp cấp bách, tránh gây nguy hại đến tính mạng, sức khỏe người dân; gói thầu mua thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế, linh kiện, phụ kiện để cấp cứu người bệnh trong tình trạng cấp cứu theo quy định của Luật Khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp cơ sở khám bệnh, chữa bệnh không có đủ thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế, linh kiện, phụ kiện; gói thầu mua thuốc, thiết bị y tế chỉ có duy nhất một hãng sản xuất trên thị trường;";

b) Sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 1 như sau

"g) Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng được chỉ định cho tác giả của phương án kiến trúc trúng tuyển khi tác giả đó có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật về xây dựng; gói thầu thi công xây dựng, phục chế tượng đài, phù điêu, tranh hoành tráng, tác phẩm nghệ thuật gắn với quyền tác giả từ khâu sáng tác đến thi công công trình; gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn lập quy hoạch đô thị và nông thôn được chỉ định cho tác giả của ý tưởng quy hoạch đô thị và nông thôn đã trúng tuyển thông qua thi tuyển; gói thầu tư vấn thăm dò, khai quật khảo cổ; gói thầu tư vấn, thi công tu bổ, phục hồi di tích cấp quốc gia, di tích cấp quốc gia đặc biệt và di sản văn hóa thế giới;";

c) Sửa đổi, bổ sung điểm m khoản 1 như sau

"m) Gói thầu thuộc dự toán mua sắm không hình thành dự án có giá gói thầu không quá 300 triệu đồng; gói thầu thuộc dự án có giá gói thầu không quá 500 triệu đồng đối với gói thầu dịch vụ tư vấn, không quá 01 tỷ đồng đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn, hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp; gói thầu lập nhiệm vụ quy hoạch có giá gói thầu không quá 500 triệu đồng.";

d) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 như sau

"a) Có quyết định đầu tư được phê duyệt đối với dự án, trừ gói thầu tư vấn phục vụ công tác chuẩn bị dự án; có quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch đối với gói thầu tư vấn lập quy hoạch và các gói thầu phục vụ công tác lập quy hoạch, trừ trường hợp gói thầu cần thực hiện trước khi phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch và trường hợp không phải phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch;".

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 29 như sau

"**Điều 29. Lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt**

1. Việc lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt được áp dụng đối với gói thầu thuộc dự án, dự toán mua sắm có một hoặc một số điều kiện đặc thù về quy trình, thủ tục, tiêu chí lựa chọn nhà thầu, điều kiện ký kết và thực hiện hợp đồng hoặc khi triển khai thực hiện có yêu cầu phải bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, biên giới lãnh thổ, thực hiện nhiệm vụ chính trị của quốc gia mà không thể áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu quy định tại các điều 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27 và 28 của Luật này.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.".

9. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 30 như sau

"a) Đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp. Trường hợp gói thầu đáp ứng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 31 của Luật này thì được lựa chọn áp dụng phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ hoặc một giai đoạn hai túi hồ sơ;".

10. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 31 như sau

"b) Đấu thầu rộng rãi đối với gói thầu hỗn hợp tổ chức đấu thầu quốc tế quy định tại điểm b khoản 1 Điều 11, đấu thầu hạn chế đối với gói thầu quy định tại khoản 1 Điều 22 của Luật này.".

11. Bổ sung khoản 3 vào sau khoản 2 Điều 34 như sau

"3. Lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt.".

12. Bổ sung Điều 34a vào sau Điều 34 như sau

"**Điều 34a. Lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt**

1. Việc lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt được áp dụng đối với dự án đầu tư kinh doanh có một hoặc một số yêu cầu, điều kiện đặc thù về thủ tục đầu tư; thủ tục giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển; thủ tục, phương pháp, tiêu chuẩn lựa chọn nhà đầu tư và nội dung hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh hoặc yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, biên giới lãnh thổ, lợi ích quốc gia, thực hiện nhiệm vụ chính trị của quốc gia mà không thể áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà đầu tư quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 34 của Luật này.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.".

13. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 38 như sau

"a) Quyết định phê duyệt dự án và tài liệu có liên quan, trừ trường hợp gói thầu cần thực hiện trước khi phê duyệt dự án; quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch và tài liệu có liên quan đối với gói thầu tư vấn lập quy hoạch và các gói thầu phục vụ công tác lập quy hoạch, trừ trường hợp gói thầu cần thực hiện trước khi phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch và trường hợp không phải phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch. Đối với gói thầu cần thực hiện trước khi phê duyệt dự án thì căn cứ theo quyết

định của người đứng đầu chủ đầu tư hoặc người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án trong trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư;".

14. Sửa đổi, bổ sung Điều 42 như sau

"**Điều 42. Đấu thầu trước**

1. Đấu thầu trước là việc thực hiện trước một số thủ tục trước khi điều ước quốc tế, thỏa thuận vay nước ngoài được ký kết đối với dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài hoặc trước khi dự án được phê duyệt đầu tư nhằm mục đích đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, trừ gói thầu cần thực hiện trước khi phê duyệt dự án.

2. Gói thầu có thể thực hiện đấu thầu trước bao gồm:

a) Gói thầu mua sắm hàng hóa đã xác định rõ phạm vi cung cấp, yêu cầu kỹ thuật;

b) Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, phi tư vấn, hàng hóa, xây lắp phục vụ công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, di dời công trình hạ tầng, kỹ thuật, rà phá bom mìn, vật nổ, quy hoạch, tái định cư;

c) Gói thầu tư vấn quản lý dự án cho các phần công việc thực hiện sau khi dự án được phê duyệt, lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật, lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, giám sát thi công;

d) Gói thầu thuộc dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài có yêu cầu đấu thầu trước theo quy định ràng buộc của nhà tài trợ. Trường hợp nhà tài trợ không quy định thì các gói thầu thuộc dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài có thể thực hiện đấu thầu trước theo quy định tại các điểm a, b và c khoản này.

3. Đối với gói thầu quy định tại khoản 2 Điều này, các thủ tục được thực hiện trước khi dự án được phê duyệt hoặc trước khi ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận vay nước ngoài bao gồm:

a) Lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

b) Xác định danh sách ngắn (nếu có);

c) Lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu;

d) Đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất;

đ) Xét duyệt trúng thầu, xác định nhà thầu trúng thầu.

Việc ký kết hợp đồng chỉ được thực hiện sau khi dự án được phê duyệt đầu tư; đối với gói thầu thuộc dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài, việc ký kết hợp đồng có thể thực hiện trước khi ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận vay nước ngoài theo quy định của nhà tài trợ nước ngoài nhưng phải sau khi dự án được phê duyệt đầu tư.

4. Đối với gói thầu đấu thầu trước, nhà thầu không phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu quy định tại Điều 14 của Luật này nhưng phải cam kết trong hồ sơ dự thầu về trách nhiệm tham dự thầu.

5. Hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ yêu cầu, hồ sơ mời thầu phải xác định rõ trách nhiệm của nhà thầu và chủ đầu tư trong việc thực hiện đấu thầu trước theo quy định tại Điều này.

Trường hợp dự án không được phê duyệt hoặc điều ước quốc tế, thỏa thuận vay nước ngoài không được ký kết mà không thể bố trí nguồn vốn khác thì chủ đầu tư hủy thầu và không phải bồi hoàn chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.

6. Chủ đầu tư, người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án có thể hình thành gói thầu bao gồm một hoặc một số công việc: khảo sát xây dựng, lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, lập quy hoạch chi tiết xây dựng, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế kỹ thuật, lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật, lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, giám sát thi công để tổ chức lựa chọn nhà thầu. Các công việc lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật, lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, giám sát thi công chỉ được thực hiện sau khi dự án được phê duyệt.

7. Các hoạt động quy định tại Điều này được thực hiện theo quy trình, thủ tục quy định tại khoản 1 Điều 43 của Luật này. Việc lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu đấu thầu trước không phải căn cứ các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 38 của Luật này.".

15. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 43 như sau

"d) Thương thảo hợp đồng đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn.

Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, cung cấp dịch vụ phi tư vấn áp dụng đấu thầu quốc tế, gói thầu hỗn hợp và gói thầu áp dụng đấu thầu hạn chế quy định tại khoản 1 Điều 22 của Luật này, trường hợp cần thiết, bên mời thầu có thể thương thảo hợp đồng với nhà thầu xếp hạng thứ nhất;".

16. Sửa đổi, bổ sung điểm b và điểm đ khoản 1 Điều 45 như sau

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b như sau

"b) Thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu đối với đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế tối thiểu là 18 ngày đối với đấu thầu trong nước, 35 ngày đối với đấu thầu quốc tế kể từ ngày đầu tiên hồ sơ mời thầu được phát hành đến ngày có thời điểm đóng thầu; đối với gói thầu xây lắp, hỗn hợp có giá gói thầu không quá 20 tỷ đồng, gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn có giá gói thầu không quá 10 tỷ đồng thì thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu tối thiểu là 09 ngày đối với đấu thầu trong nước, 18 ngày đối với đấu thầu quốc tế; đối với gói thầu tư vấn đơn giản hoặc gói thầu tư vấn có giá trị không quá 500 triệu đồng hoặc gói thầu tư vấn cấp bách cần thực hiện ngay do yêu cầu về tiến độ thì thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu tối thiểu là 07 ngày đối với đấu thầu trong nước;";

b) Sửa đổi, bổ sung điểm đ như sau

"đ) Việc sửa đổi hồ sơ mời thầu được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 10 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu; đối với gói thầu xây lắp, hỗn hợp có giá gói thầu không quá 20 tỷ đồng, gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn có giá gói thầu không quá 10 tỷ đồng, gói thầu tư vấn đơn giản hoặc gói thầu tư vấn có giá trị không quá 500 triệu đồng hoặc gói thầu tư vấn cấp bách cần thực hiện ngay do yêu cầu về tiến độ, việc sửa đổi hồ sơ mời thầu được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 03 ngày làm việc trước ngày có

thời điểm đóng thầu. Việc sửa đổi hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.".

17. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 55 như sau

"2. Đối với việc mua thuốc, thiết bị y tế để bán lẻ tại nhà thuốc trong khuôn viên của cơ sở y tế công lập, mua vắc xin để tiêm chủng theo hình thức dịch vụ thì cơ sở y tế được tự quyết định mua sắm trên cơ sở bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả kinh tế và trách nhiệm giải trình.".

18. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 58 như sau

"a) Phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá có thể được áp dụng đối với gói thầu quy định tại điểm b khoản 1 Điều 31 của Luật này;";

19. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 và khoản 10 Điều 78 như sau

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau

"4. Quyết định thành lập bên mời thầu với nhân sự đáp ứng yêu cầu thực hiện công tác lựa chọn nhà thầu; trường hợp nhân sự không đáp ứng yêu cầu thì lựa chọn nhà thầu tư vấn để làm bên mời thầu hoặc thực hiện một số nhiệm vụ của bên mời thầu. Quyết định thành lập tổ chuyên gia đáp ứng quy định tại Điều 19 của Luật này trong trường hợp không thuê đơn vị tư vấn lập hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất.";

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 10 như sau

"10. Hủy thầu đối với trường hợp quy định tại điểm a và điểm e khoản 1 Điều 17 của Luật này.".

20. Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 79

21. Thay thế cụm từ "vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài" bằng cụm từ "vốn vay ưu đãi nước ngoài" tại tên Điều 3, điểm a khoản 7 Điều 3, điểm đ khoản 1 Điều 38 và khoản 3 Điều 39

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Bãi bỏ Điều 39 và Điều 40 của Luật Thủ đô số 39/2024/QH15.

2. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 01 năm 2025, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này.

3. Việc thực hiện hợp đồng BT thanh toán bằng quỹ đất và hợp đồng BT thanh toán bằng ngân sách nhà nước quy định tại điểm b khoản 12 Điều 3 của Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

4. Quy định tại điểm a khoản 19 và khoản 20 Điều 1; khoản 2 Điều 2; các điểm b, c và d khoản 11 Điều 2 của Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Điều 6. Quy định chuyển tiếp

1. Quy định chuyển tiếp các quy định sửa đổi, bổ sung Luật Quy hoạch như sau

a) Kinh phí cho hoạt động quy hoạch đã được bố trí trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được tiếp tục sử dụng theo quy định của pháp luật có liên quan tại thời điểm bố trí kinh phí;

b) Quy hoạch đang thực hiện điều chỉnh theo Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội và đã gửi xin ý kiến của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan có liên quan trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện điều chỉnh theo quy định tại Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội;

c) Kế hoạch thực hiện quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch tỉnh đã trình Thủ tướng Chính phủ trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành nhưng chưa được ban hành thì Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ban hành theo quy định tại khoản 17 và khoản 18 Điều 1 của Luật này.

Trường hợp cần điều chỉnh kế hoạch thực hiện quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì thực hiện điều chỉnh theo quy định tại các khoản 12, 17 và 18 Điều 1 của Luật này;

d) Trường hợp thực hiện nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ hoặc nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh làm thay đổi một hoặc một số nội dung quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030 đã được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành về phân kỳ thực hiện, thông số, thông tin nhưng không làm thay đổi quan điểm và mục tiêu của quy hoạch thì được điều chỉnh theo trình tự, thủ tục rút gọn quy định tại khoản 16 Điều 1 của Luật này.

2. Quy định chuyển tiếp các quy định sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư như sau

a) Kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, hồ sơ hợp lệ đề nghị chấp thuận, điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất; dự án đầu tư xây dựng mới bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư dưới 2.300 tỷ đồng thuộc cảng biển đặc biệt; dự án đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật về di sản văn hóa không phân biệt quy mô diện tích đất, dân số thuộc phạm vi khu vực bảo vệ I và II của di tích được cấp có thẩm quyền công nhận là di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt, trừ khu vực bảo vệ I của di tích quốc gia đặc biệt thuộc Danh mục di sản thế giới đã tiếp nhận trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành nhưng chưa trả kết quả thì được giải quyết như sau:

a.1) Trường hợp dự án đã được trình Thủ tướng Chính phủ xem xét chấp thuận, điều chỉnh chủ trương đầu tư trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 72/2020/QH14, Luật số 03/2022/QH15, Luật số 05/2022/QH15, Luật số 08/2022/QH15, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 20/2023/QH15, Luật số 26/2023/QH15,

Luật số 27/2023/QH15, Luật số 28/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 33/2024/QH15 và Luật số 43/2024/QH15 (sau đây gọi là Luật số 61/2020/QH14);

Đối với dự án chưa đáp ứng yêu cầu, điều kiện để chấp thuận, điều chỉnh chủ trương đầu tư theo quy định của Luật số 61/2020/QH14, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chuyển hồ sơ dự án, ý kiến thẩm định và báo cáo thẩm định cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để xử lý theo thẩm quyền quy định tại Luật này trên cơ sở ý kiến của Thủ tướng Chính phủ;

a.2) Trường hợp dự án chưa được trình Thủ tướng Chính phủ xem xét chấp thuận, điều chỉnh chủ trương đầu tư trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chuyển hồ sơ dự án và ý kiến thẩm định dự án (nếu có) cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để xử lý theo thẩm quyền quy định tại Luật này;

a.3) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được tiếp tục sử dụng hồ sơ dự án, ý kiến thẩm định và báo cáo thẩm định để xem xét chấp thuận, điều chỉnh chủ trương đầu tư trong các trường hợp quy định tại tiểu điểm a.1 và tiểu điểm a.2 điểm a khoản này;

b) Đối với các dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, dự án đầu tư xây dựng mới bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển đặc biệt, dự án đầu tư thuộc khu vực bảo vệ của di tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành nay thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại khoản 5 Điều 2 của Luật này thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan có thẩm quyền chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư;

c) Đối với các dự án đầu tư thuộc đối tượng quy định tại khoản 8 Điều 2 của Luật này đã được chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành, nhà đầu tư được lựa chọn áp dụng thủ tục đầu tư đặc biệt theo quy định sau đây:

c.1) Nhà đầu tư nộp hồ sơ đăng ký đầu tư theo quy định tại khoản 8 Điều 2 của Luật này kèm theo báo cáo tình hình thực hiện dự án đến thời điểm nộp hồ sơ cho Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế.

Trường hợp dự án đầu tư gồm nhiều giai đoạn, nhà đầu tư được lựa chọn áp dụng thủ tục đầu tư đặc biệt đối với từng giai đoạn;

c.2) Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế thực hiện thủ tục tương ứng quy định tại khoản 8 Điều 2 của Luật này để cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong trường hợp dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;

c.3) Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ghi nhận nội dung dự án đầu tư được đăng ký theo quy định tại tiểu điểm c.1 điểm c khoản này;

Nhà đầu tư được triển khai dự án đầu tư theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đã được cấp hoặc cấp đổi theo quy định tại tiểu điểm c.2 điểm c khoản này;

d) Đối với dự án được quyết định chủ trương đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc chấp thuận đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trước ngày Luật này có hiệu lực

thi hành, thì thời hạn 24 tháng để Cơ quan đăng ký đầu tư chấm dứt hoặc chấm dứt một phần hoạt động của dự án đầu tư tại khoản 10 Điều 2 của Luật này được tính từ ngày 15 tháng 01 năm 2025 nếu thời điểm kết thúc tiến độ thực hiện mục tiêu hoạt động chủ yếu của dự án tại văn bản quyết định chủ trương đầu tư, văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, văn bản chấp thuận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư, văn bản chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh trước ngày 15 tháng 01 năm 2025.

3. Quy định chuyển tiếp các quy định sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư như sau

a) Dự án PPP đã tổ chức lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo nghiên cứu tiền khả thi điều chỉnh nhưng đến ngày Luật này có hiệu lực thi hành chưa trình thẩm định hoặc chưa thành lập Hội đồng thẩm định thì thẩm quyền, trình tự, thủ tục chuẩn bị dự án hoặc điều chỉnh chủ trương đầu tư thực hiện theo quy định của Luật này. Trường hợp đã thành lập Hội đồng thẩm định và triển khai nhiệm vụ thẩm định chủ trương đầu tư thì tiếp tục thực hiện trình tự, thủ tục, thẩm quyền thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư hoặc điều chỉnh chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư có hiệu lực trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành;

b) Dự án PPP đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư và đang tổ chức lập báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh nhưng đến ngày Luật này có hiệu lực thi hành chưa trình thẩm định hoặc chưa thành lập Hội đồng thẩm định liên ngành thì thẩm quyền, trình tự, thủ tục phê duyệt dự án hoặc điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi thực hiện theo quy định của Luật này. Trường hợp đã thành lập Hội đồng thẩm định liên ngành và triển khai nhiệm vụ thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi thì tiếp tục thực hiện trình tự, thủ tục, thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự án hoặc điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư có hiệu lực trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành;

c) Dự án PPP đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án nhưng đến ngày Luật này có hiệu lực thi hành chưa tổ chức lựa chọn nhà đầu tư thì được rà soát, điều chỉnh chủ trương đầu tư hoặc điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi để áp dụng quy định của Luật này;

d) Đối với dự án PPP đang thực hiện theo quy định của Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng, Nghị quyết số 137/2024/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội về bổ sung thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định việc tiếp tục thực hiện dự án PPP theo các Nghị quyết này hoặc áp dụng quy định của Luật này. Trường hợp quyết định áp

dụng quy định của Luật này thì áp dụng chuyển tiếp theo các điểm a, b và c khoản này để tiếp tục thực hiện dự án.

4. Quy định chuyển tiếp các quy định sửa đổi, bổ sung Luật Đấu thầu như sau

a) Các gói thầu lựa chọn nhà thầu đã phê duyệt và phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục tổ chức lựa chọn danh sách ngắn, lựa chọn nhà thầu, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng theo quy định của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành;

b) Đối với gói thầu đã phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu nhưng đến ngày Luật này có hiệu lực thi hành chưa phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu mà kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã phê duyệt không phù hợp với Luật này thì phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu để phù hợp với quy định của Luật này.

_____

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2024.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI
Đã ký
Trần Thanh Mẫn